

# KIỂM TRA HIẾN PHÁP TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ MÔ HÌNH LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC THỰC THI CHẾ ĐỊNH NÀY Ở VIỆT NAM

*Lê Văn Cẩm\**

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) đúng với nghĩa của nó (tức là NNPQ đích thực chứ không phải NNPQ chỉ có tính chất tuyên ngôn trên giấy!) và công cuộc cải cách tư pháp (CCTP) ở Việt Nam hiện nay việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lý luận những vấn đề về kiểm tra Hiến pháp (KTrHP) bằng nhánh quyền tư pháp và xây dựng mô hình lý luận của các kiến giải lập pháp (KGLP) cụ thể về tổ chức thực thi chế định này ở nước ta không chỉ có ý nghĩa xã hội-pháp lý to lớn, mà còn có ý nghĩa khoa học-thực tiễn rất quan trọng trên ba bình diện sau đây:

1.1. Về mặt lập pháp, cho đến hôm nay mặc dù đã gần 1/4 thế kỷ trôi qua kể từ khi công cuộc đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam do Đảng ta khởi xướng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986), nhưng rất đáng tiếc là trong hệ thống pháp luật hiện hành của đất nước vẫn chưa có bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nào chính thức ghi nhận về mặt pháp lý chế định kiểm tra Hiến pháp với tư cách là đạo luật cơ bản của Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất, vì thực tế Hiến pháp Việt Nam năm 1992 hiện hành của nước ta cũng chỉ mới đề cập đến việc “Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp...” của Quốc hội (khoản 2 Điều 84), quyền hạn “Giải thích Hiến pháp” và “Giám sát việc thi hành Hiến pháp” của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) (các khoản 3, 5 Điều 91) và nhiệm vụ “bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành Hiến pháp” của Chính phủ (đoạn 2 Điều 100);

1.2. Về mặt thực tiễn, trong khi đó việc thành lập cơ chế bảo vệ Hiến pháp không chỉ được chính thức đề cập trong Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 mà sau đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (năm 2006) còn chỉ rõ sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền, cũng như xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp<sup>1</sup> (chúng tôi nhấn mạnh - L.C); như vậy, rõ ràng là hiện nay từ thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam đã cho thấy, nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta đang đòi hỏi cấp bách việc thực thi chế định KTrHP bằng Tòa án để sao cho đạo luật cơ bản của Nhà nước được bảo vệ một cách hữu hiệu nhằm loại trừ tình trạng ban hành các văn bản QPPL vi hiến, những hành vi được thực hiện trên cơ sở các văn bản đó, cũng như sự xâm phạm thô bạo các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân từ phía quyền lực nhà nước, để góp phần xây dựng thành công NNPQ và triển khai thắng lợi công cuộc CCTP ở nước ta.

1.3. Và cuối cùng, về mặt lý luận, mặc dù việc bảo vệ Hiến pháp có vai trò quan trọng như vậy, nhưng cho đến nay trong khoa học pháp lý (KHPL) Việt Nam mặc dù đã có một số nghiên cứu về vấn đề này, song vẫn chưa có một công trình nghiên cứu chuyên khảo nào đề cập riêng đến việc phân tích một cách tương đối có hệ thống và tương đối toàn diện chế định KTrHP bằng Tòa án và đưa ra mô hình lý luận của các kiến giải

\* TSKH. PGS. Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>1</sup> Xem cụ thể hơn: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tra. 126-127.

*lập pháp cụ thể* cho việc tổ chức thực thi chế định này ở nước ta.

2. Như vậy, tất cả sự phân tích trên đây không chỉ cho phép khẳng định sự cần thiết cấp bách của việc nghiên cứu *những vấn đề về chế định KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp nhằm đưa ra các kiến giải lập pháp cụ thể cho việc tổ chức thực thi chế định này* trong tiến trình CCTP ở Việt Nam, mà còn là lí do luận chứng cho tên gọi bài viết này của chúng tôi. Tuy nhiên, vì chế định KTrHP bằng nhánh quyền tư pháp là những vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, đa dạng và có thể được nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh khác nhau nên trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ có thể đề cập những vấn đề nào mà theo quan điểm của chúng tôi là *chủ yếu và quan trọng hơn cả* theo hệ thống như sau: 1) Một số vấn đề chung về bảo vệ Hiến pháp trong NNQP; 2) Chế định kiểm tra Hiến pháp bằng nhánh quyền tư pháp trong NNQP và; 3) Mô hình lý luận của các kiến giải lập pháp cụ thể cho việc tổ chức thực thi chế định KTrHP bằng nhánh quyền tư pháp trong giai đoạn xây dựng NNQP và CCTP ở Việt Nam.

## II. NỘI DUNG VẤN ĐỀ

### 1. Một số vấn đề chung về bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền

#### 1.1. Cội nguồn xuất hiện của Hiến pháp

Thuật ngữ “*Hiến pháp*” có cội nguồn xa xưa từ tiếng Latinh cổ là “*Constitutio*” và có thể hiểu theo rất nhiều nghĩa như: “quy định”, “thành lập”, “tổ chức”, “cơ cấu”, “thiết lập”, ...Tuy nhiên, lịch sử xuất hiện của các Hiến pháp thành văn đầu tiên là ở lục địa châu Mỹ vì ngay từ thế kỷ XVII khi những người Anh khám phá-chinh phục lục địa ấy đã thảo ra cái gọi là “*Platation Covenant*” (tạm dịch là “*Hiệp ước của các thuộc địa*”); tiếp theo đó, 13 bang đầu tiên tuyên bố độc lập của Hoa Kỳ đã lần lượt thông qua các Hiến pháp của họ như: các bang Virginia, Pennsylvania, Maryland và Bắc Carolina (năm 1776), bang Vermont (năm 1777), bang Massachusetts (năm 1780), bang New Jersey (năm 1783) và cuối cùng là Hiến pháp của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (năm 1787) – bản Hiến pháp thành

văn đầu tiên hoàn chỉnh nhất của nhân loại trong lịch sử lập hiến; bước sang thế kỷ XVIII các quốc gia ở châu Âu như Balan và Pháp cũng lần lượt thông qua các bản Hiến pháp (năm 1791)<sup>2</sup> và cho đến nay thì trên 150 quốc gia trên thế giới đã có Hiến pháp của mình<sup>3</sup>.

#### 1.2. Khái niệm và bản chất chính trị - pháp lý của Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền

Từ việc phân tích nội dung các quy định được ghi nhận trong các hiến pháp của các nước trên thế giới đã ban hành, sửa đổi và bổ sung trong suốt năm thế kỷ qua (XVII-XXI) có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau xung quanh khái niệm Hiến pháp. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi có thể đưa ra một định nghĩa khoa học (ĐNKH) hết sức ngắn gọn của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *Hiến pháp là đạo luật cơ bản Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất trên toàn bộ lãnh thổ của một quốc gia, mà trong đạo luật đó ghi nhận các chế định trung tâm và chủ yếu nhất liên quan đến những cơ sở của chế độ chính trị (1), các quyền và tự do của con người và của công dân (2), cũng như các lĩnh vực cơ bản và quan trọng hơn cả trong việc tổ chức-hoạt động của bộ máy công quyền và trong đời sống kinh tế-xã hội của đất nước (3)*. Như vậy, từ nội hàm của khái niệm này chúng ta có thể khẳng định rằng, bản chất chính trị-pháp lý của bất kỳ một Hiến pháp nào (nói chung) trong NNQP là ở chỗ: với tư cách là một văn kiện pháp lý chủ yếu và quan trọng nhất của một quốc gia, Hiến pháp mang tính tối thượng so với tất cả các văn bản QPPL khác trong hệ thống pháp luật của quốc gia ấy, là nền tảng của quyền lực nhà nước, của pháp chế và trật tự pháp luật, đồng thời là cơ sở để thực thi bảo vệ một cách vững chắc

<sup>2</sup> Xem cụ thể hơn: *Êzeev B.X.* Hiến pháp-Nhà nước pháp quyền-Tòa án Hiến pháp. Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học, Nxb. Đạo luật và pháp luật, Maxcova, 1997, tr. 12 (tiếng Nga).

<sup>3</sup> Xem cụ thể hơn: *PGS.TS Nguyễn Đăng Dung*, Sự hạn chế quyền lực Nhà nước, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr. 64.

và hữu hiệu các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân tránh khỏi sự xâm hại của quyền lực nhà nước.

### 1.3. *Khái niệm bảo vệ Hiến pháp, sự phân loại và một số nét đặc trưng cơ bản của các cơ chế bảo vệ Hiến pháp trong Nhà nước pháp quyền*

Từ sự phân tích trên đây cho thấy, Hiến pháp trong NN PQ không chỉ có chức năng, nhiệm vụ rất quan trọng đối với quá trình tổ chức-hoạt động của các cơ quan nhà nước, mà còn có ý nghĩa sống còn đối với việc bảo vệ một cách hữu hiệu pháp chế và trật tự pháp luật, cũng như các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân tránh khỏi sự xâm hại của các quan chức trong bộ máy công quyền. Chính vì vậy, trong giai đoạn xây dựng NN PQ và CCTP ở Việt Nam hiện nay các nhà khoa học - luật gia nước ta cần phải tiếp tục nghiên cứu để đề xuất với nhà làm luật các cơ chế khả thi và hợp lí cho việc bảo vệ Hiến pháp của nước ta.

1.3.1. *Khái niệm bảo vệ Hiến pháp* là một phạm trù mà từ trước đến nay vẫn chưa bao giờ được định nghĩa trong KHPL Việt Nam. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn hoạt động giám sát Hiến pháp của QH nước ta và trên cơ sở phân tích so sánh các cơ chế bảo vệ Hiến pháp của các NN PQ khác nhau hiện nay<sup>4</sup> chúng ta

có thể đưa ra ĐNKH của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *bảo vệ Hiến pháp trong NN PQ là một dạng hoạt động nhà nước của cơ quan chức năng có thẩm quyền và được thể hiện bằng các cơ chế giám sát hoặc/và kiểm tra tính hợp hiến của văn bản do tất cả các cơ quan (những người có chức vụ) trong bộ máy công quyền, tổ chức hoặc đơn vị lực lượng vũ trang ban hành, cũng như những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở văn bản vi hiến đã xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân, đồng thời giải quyết những vấn đề khác theo thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định để đưa ra phán xét mang tính pháp lý nhằm bảo đảm tính tối thượng và hiệu quả trực tiếp của các quy phạm Hiến pháp trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của xã hội.*

1.3.2. *Sự phân loại và một số nét đặc trưng cơ bản của các cơ chế bảo vệ Hiến pháp.* Như vậy, từ nội hàm của khái niệm trên đây, đồng thời xuất phát từ thực tiễn hoạt động giám sát Hiến pháp của Quốc hội Việt Nam và trên cơ sở nghiên cứu so sánh các cơ chế bảo vệ Hiến pháp của các NN PQ khác nhau trên thế giới hiện nay, chúng ta có thể phân loại các cơ chế bảo vệ Hiến pháp thành hai hình thức chính như sau:

a) Hình thức bảo vệ Hiến pháp thứ nhất – bằng cơ chế *giám sát* Hiến pháp và hình thức này có một số đặc trưng cơ bản là: a) Được thực hiện bằng nhánh quyền *lập pháp* (nói chung) hoặc đôi khi bằng nhánh quyền *hành pháp* (Ví dụ: ở nước Cộng hòa Kazakxtan khi Pháp lệnh về Hội đồng bảo hiến do Tổng thống ban hành và các cựu Tổng thống đương nhiên là thành viên suốt đời của Hội đồng

<sup>4</sup> Xem cụ thể hơn: Ví dụ như, *GS.TSKH Đào Trí Úc, PGS.TS Nguyễn Như Phát* (Đồng chủ biên). Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam. Nxb. Công an nhân dân. Hà Nội, 2007; *Ézeev. B.X.* Hiến pháp-Nhà nước pháp quyền-Tòa án Hiến pháp (Tập bài giảng đã dẫn); *Vitoruk N.V.* Tư pháp về Hiến pháp, Luật Hiến pháp về tư pháp và tố tụng; Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học, Nxb. Đạo luật và pháp luật, Maxcova, 1998 (tiếng Nga); *Baglai M.V.* Luật Hiến pháp Liên bang Nga. Tập bài giảng dành cho các Trường Đại học. Nxb. Norma-Infra. Maxcova, 1998 (tiếng Nga); *Trirkin V.E.* Luật Hiến pháp của các nước ngoài, Nxb. Luật gia. Maxcova, 1997 (tiếng Nga); Hệ thống Tòa án của các nước châu Âu. Sách tra cứu (Bản dịch từ tiếng Pháp của *Đ.I.Vaxiliev* và từ tiếng Anh của *O.Iu.Kobiakov*). Nxb. Quan hệ quốc tế. Maxcova, 2002 (tiếng Nga); Tư pháp về Hiến pháp ở các nước SNG và Bantích. Tập các văn bản quy phạm (Chủ biên *M.A.Mitriukov*). Nxb. Zertxaló. Maxcova, 1998 (tiếng Nga); Hiến pháp của

các nước ngoài (Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Hilạp, Đức, Nhật Bản, Canada). In lần thứ 2 có sửa chữa và bổ sung. Nxb. Bek, Maxcova, 1997 (tiếng Nga); Hiến pháp của các nước ngoài Đông Âu. Tập bài giảng và tra cứu. Nxb. Norma-Infra. Maxcova, 1996 (tiếng Nga); *Voxkobtova L.E.* Ý nghĩa và các chức năng của quyền tư pháp. Trong sách: Các công trình khoa học của Học viện pháp lý Quốc gia Maxcova, 2006, tr.158-163 (tiếng Nga).

này); 2) Văn bản QPPL nếu vi hiến thì chỉ bị tạm đình chỉ hiệu lực thi hành (chứ không bị bãi bỏ) theo quyết định tương ứng của cơ quan giám sát Hiến pháp (Ví dụ: Viện bảo Hiến ở Rumani); 3) Nói chung công dân không có quyền khiếu kiện lên cơ quan giám sát Hiến pháp (Ví dụ: ở nước Cộng hòa Êxtônia); 4) Hiệu quả bảo vệ Hiến pháp, cũng như các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân không cao (nếu như không muốn nói là chỉ mang tính hình thức) và; 5) Không tạo được nền tảng pháp lý vững chắc cho cơ chế kim hãm-đối trọng của ba nhánh quyền lực trong NN PQ.

b) Hình thức bảo vệ Hiến pháp thứ hai – bằng cơ chế *kiểm tra* Hiến pháp và hình thức này có một số nét đặc trưng cơ bản là: a) Được thực hiện bằng nhánh quyền *tư pháp* (Ví dụ: ở hầu hết các nước trong SNG, châu Âu, Hoa Kỳ); 2) Văn bản QPPL nếu vi hiến thì bị tuyên bố là vô hiệu và bị bãi bỏ theo quyết định tương ứng của cơ quan kiểm tra Hiến pháp; 3) Công dân có quyền khiếu kiện lên cơ quan KTrHP khi nhận thấy rằng, bằng việc áp dụng văn bản luật hay dưới luật nào đó hoặc bằng hành vi được thực hiện trên cơ sở văn bản tương ứng đó các quyền và tự do hiến định của họ đã bị xâm phạm; 4) Hiệu quả bảo vệ Hiến pháp, cũng như các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân cao và; 5) Tạo được nền tảng pháp lý vững chắc cho cơ chế kim hãm-đối trọng của ba nhánh quyền lực trong NN PQ.

## **2. Chế định kiểm tra Hiến pháp bằng nhánh quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền**

### **2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của chế định kiểm tra Hiến pháp này**

Việc nghiên cứu lịch sử lập hiến cho thấy, tư tưởng tiến bộ về chế định KTrHP đã có ở nguồn xuất hiện ngay từ thế kỷ XVII ở Vương quốc Anh khi Hội đồng cơ mật của Hoàng gia đã coi các đạo luật do các cơ quan lập pháp của 13 bang đầu tiên (các thuộc địa) ở Hoa Kỳ là vô hiệu khi các đạo luật này trái với các đạo luật của Nghị viện Anh hoặc thông luật, sang thế kỷ XVIII thì một số các

văn bản của chính quốc (Anh) lại bị Tòa án coi là vô hiệu trên lãnh thổ của các bang miền Bắc nước Mỹ, nhưng bước ngoặt có tính chất quyết định đối với việc hình thành chế định KTrHP bằng Tòa án chỉ chính thức được ghi nhận vào đầu thế kỷ XIX sau khi Tòa án tối cao (TATC) Mỹ thông qua phán quyết coi đạo luật do Quốc hội Mỹ ban hành là trái với Hiến pháp trong vụ kiện nổi tiếng “*Merberi kiện Medison*” vào năm 1803<sup>5</sup>. Phát triển mạnh mẽ vào thế kỷ XX trong quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực của nhiều quốc gia và cho đến hôm nay thì chế định KTrHP bằng Tòa án được thừa nhận và thực thi ở tất cả các quốc gia là các NN PQ trên thế giới.

### **2.2. Khái niệm kiểm tra Hiến pháp bằng Tòa án và một số đặc điểm cơ bản của chế định này**

Mặc dù trong KHPL Việt Nam trong thời gian qua có bàn nhiều đến phạm trù “tài phán Hiến pháp” nhưng thực chất là khái niệm “*kiểm tra Hiến pháp bằng Tòa án*” vẫn chưa bao giờ được định nghĩa. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn hoạt động giám sát Hiến pháp của Quốc hội nước ta và trên cơ sở phân tích so sánh chế định này trên thế giới chúng ta có thể đưa ra ĐNKH của khái niệm đang nghiên cứu như sau: *KTrHP bằng Tòa án trong NN PQ với tư cách là một hình thức bảo vệ Hiến pháp bằng nhánh quyền lực tư pháp, là chức năng của cơ quan chuyên môn về tài phán và được thể hiện bằng hoạt động tố tụng về Hiến pháp trong việc kiểm tra tính hợp hiến của văn bản do tất cả các cơ quan (những người có chức vụ) trong bộ máy công quyền, tổ chức hoặc đơn vị lực lượng vụ trang ban hành, cũng như những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở văn bản vi hiến đã xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân, đồng thời xem xét và giải quyết những vấn đề khác theo thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định để đưa ra quyết định (phán xét) cuối cùng mang tính pháp lý nhằm bảo đảm tính tối thượng và hiệu quả trực tiếp của các quy phạm Hiến pháp trong*

<sup>5</sup> Xem cụ thể hơn: *Vitoruk N.V.* Tư pháp về Hiến pháp. Luật Hiến pháp về tư pháp và tố tụng... (Sdd), tr. 30.

các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của xã hội. Từ khái niệm này có thể nhận thấy một số đặc điểm cơ bản sau đây của chế định KTrHP bằng Tòa án trong NNPQ:

2.2.1. Thứ nhất - KTrHP bằng Tòa án là một hình thức bảo vệ Hiến pháp bằng nhánh quyền lực tư pháp vì trong NNPQ ngoài Tòa án ra, cũng vẫn còn có rất nhiều hình thức bảo vệ Hiến pháp với các cơ chế thuộc hai nhánh quyền lực khác nữa (chứ không chỉ có riêng Tòa án bảo vệ Hiến pháp);

2.2.2. Thứ hai - KTrHP bằng Tòa án là chức năng riêng biệt chỉ của cơ quan chuyên môn về tài phán, tức là việc kiểm tra này có thể được thực hiện bằng các phương án khác nhau (ví dụ: giao cho cơ quan xét xử cao nhất của đất nước như TATC hoặc thành lập TAHF độc lập) nhưng dù đi theo phương án nào chăng nữa, thì việc KTrHP này nhất thiết phải gắn với thẩm quyền xét xử của cơ quan tư pháp (theo đúng nghĩa hẹp của nó) trong NNPQ;

2.2.3. Thứ ba - KTrHP bằng Tòa án được thể hiện bằng hoạt động tổ tụng về Hiến pháp trong việc kiểm tra tính hợp hiến của văn bản do tất cả các cơ quan (những người có chức vụ) trong bộ máy công quyền, tổ chức hoặc đơn vị lực lượng vũ trang ban hành khi văn bản đó có dấu hiệu vi hiến và bị khiếu nại theo đúng quy trình luật định;

2.2.4. Thứ tư - KTrHP bằng Tòa án cũng xem xét và giải quyết cả những hành vi (hoặc bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở văn bản vi hiến đã xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của công dân;

2.2.5. Thứ năm - KTrHP bằng Tòa án là cũng đồng thời xem xét và giải quyết những vấn đề khác theo thẩm quyền do Hiến pháp và luật quy định (Ví dụ: như tính hợp hiến của các Hiệp ước quốc tế của quốc gia sở tại, các kết quả bầu cử-trung câu dân ý, trình tự phê truất nguyên thủ quốc gia, thủ tục cách chức những người có chức vụ cao nhất trong Nhà nước hay sự tranh chấp về thẩm quyền của các cơ quan quyền lực Nhà nước ở Trung ương...).

2.2.6. Và cuối cùng - kết quả của việc KTrHP bằng Tòa án là phải đưa ra được

quyết định (phán xét) cuối cùng mang tính pháp lý nhằm bảo đảm tính tối thượng và hiệu quả trực tiếp của các quy phạm Hiến pháp trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của xã hội, mà quyết định (phán xét) cuối cùng đó là bắt buộc đối với tất cả các pháp nhân và thể nhân có liên quan trên lãnh thổ của cả nước (nói một cách khác, kết quả này phải là chung thẩm).

**3. Mô hình lý luận của các kiến giải lập pháp cụ thể cho việc tổ chức thực thi chế định kiểm tra Hiến pháp bằng nhánh quyền lực tư pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp ở Việt Nam**

3.1. Sự cần thiết của việc thực thi chế định kiểm tra Hiến pháp ở Việt Nam có thể được luận chứng bởi các lý do dưới đây:

3.1.1. Xung quanh nội dung của cơ chế bảo vệ Hiến pháp đã được các nhà khoa học-luật gia trao đổi, tranh luận sôi nổi trong sách báo pháp lý, cũng như trên nhiều diễn đàn của các Hội thảo khoa học ở nước ta suốt nhiều năm qua (nhất là từ khi Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi năm 2001) chính thức ghi nhận về mặt hiến định tư tưởng NNPQ ở Việt Nam) và tại Hội thảo khoa học với chủ đề “Cơ chế bảo hiến ở Việt Nam” do Ban Công tác lập pháp của UBTVQH tổ chức ở tỉnh Nghệ An (Tp. Vinh, tháng 5/2005) khi tổng thuật các ý kiến được phát biểu tại buổi Hội thảo khoa học này, tác giả Hồng Chanh đã viết: “Đa số các ý đều nhận xét rằng, việc bảo vệ Hiến pháp ở nước ta không được giao cho một cơ quan chuyên trách mà tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước đều có nghĩa vụ bảo vệ Hiến pháp thì hiệu quả và hiệu lực không cao; không đề cao được trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp của Nhà nước và xã hội. Bảo vệ Hiến pháp theo cơ chế hiện hành chủ yếu dựa vào quyền giám sát tối cao của Quốc hội thì có sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp và quyền tài phán (tư pháp)”<sup>6</sup>. Điệt biệt, có một số nhà

<sup>6</sup> Hồng Chanh. Tìm cơ chế bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp. Trong Bản tin “Luật sư ngày nay” (Bản tin của Đoàn Luật sư Hà Nội), số 6/2005, tr.5

khoa học-luật gia Việt Nam đã thẳng thắn đưa ra sự đánh giá về thực trạng bảo vệ Hiến pháp ở nước ta như: 1) “hoạt động giám sát của Quốc hội còn nhiều hạn chế, hiệu quả thấp” và nguyên nhân là do vai trò của Tòa án chưa được đề cao<sup>7</sup>; 2) “bản thân Quốc hội lại chưa có ai giám sát để bảo đảm cho Quốc hội hoạt động hợp hiến, làm đúng, làm đủ các quy định của Hiến pháp”<sup>8</sup>; ...

3.1.2. Sự nhận thức-khoa học thống nhất và biện chứng về việc *thực thi chế định KTrHP* bằng Tòa án (nhánh quyền lực tư pháp) trong giai đoạn xây dựng NN PQ và CCTP ở Việt Nam hiện nay có thể nhận thấy trên một số bình diện sau:

a) Thực tiễn lập hiến của Nhà nước ta từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay cho thấy, các Hiến pháp Việt Nam với tư cách là những đạo luật cơ bản của Nhà nước và có hiệu lực pháp lý cao nhất trong các thời kỳ khác nhau đều ghi nhận ở các mức độ khác nhau các quy phạm thuộc lĩnh vực tư pháp (như: các quyền tự do và bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở, được pháp luật bảo hộ về tính mạng sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân; việc bắt, giam giữ, truy tố và xét xử công dân phải tuân theo luật định; tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án và hệ thống Viện kiểm sát) - các điều 63 - 69 Hiến pháp năm 1946<sup>9</sup>; Điều 27-29, 38 và các điều 97-108 Hiến pháp năm 1959<sup>10</sup>; Điều 55, các điều 69-73, 77 và các điều 127-141 Hiến

pháp năm 1980<sup>11</sup>; các điều 71-74 và các điều 126-140 Hiến pháp năm 1992<sup>12</sup>.

b) Cả lý luận và thực tiễn về NN PQ hàng trăm năm qua, cũng như thực tiễn quốc tế hiện đại ở các nước văn minh và phát triển cao những năm cuối của thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI đã và đang khẳng định một chân lý khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục rằng: dù cho hoạt động của hệ thống tư pháp có tốt đến đâu nhưng nếu không có sự hiện diện của chế định KTrHP để đảm bảo tính tối thượng của luật (mà trước hết là Hiến pháp với tư cách là đạo luật cơ bản của Nhà nước), thì cũng không thể nói gì đến việc nâng cao hiệu quả của hoạt động đó, nhất là trong lĩnh vực tư pháp - lĩnh vực liên quan hàng đầu và thiết thực nhất đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, cũng như các quyền và tự do của con người và của công dân.

c) Vai trò quan trọng nhất của chế định KTrHP bằng Tòa án chính là ở chỗ - nó sẽ là cơ chế hữu hiệu nhất để đảm bảo cho quyền lực nhà nước là một thể thống nhất và thực sự dựa trên chủ quyền của nhân dân, chứ không thể có nhánh quyền lực nào được phép tự cho mình là “cao nhất” hay “tối cao” - đứng trên các nhánh quyền lực kia. Vì cùng với việc thực thi chế định KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp chúng ta sẽ xây dựng được một loạt các cơ chế pháp lý hữu hiệu để thực hiện sự kiểm soát quyền lực nhà nước bằng một hệ thống Tòa án công minh, thực sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, cũng như sự chế ước-phối hợp với nhau giữa ba nhánh quyền lực trong NN PQ (lập pháp, hành pháp và tư pháp). Vì thực tiễn bảo vệ pháp luật (BVPL) trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội ở Việt Nam những năm qua đã minh chứng một cách xác đáng rằng: không thực thi chế định KTrHP - chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu mà cho đến nay

<sup>7</sup> Nguyễn Mạnh Klặng, Cơ sở khoa học của cơ chế kiểm tra, giám sát quyền lực Nhà nước - Trong sách: Giám sát và cơ chế giám sát việc thực hiện quyền lực Nhà nước ở nước ta hiện nay, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.43-44.

<sup>8</sup> Trần Ngọc Đường, Bàn về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tài phán Hiến pháp ở Việt Nam, sách đã dẫn: Tài phán Hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán Hiến pháp ở Việt Nam, tr. 186.

<sup>9</sup> Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1946 - Trong sách: Hiến pháp Việt Nam (năm 1946, 1959, 1980 và 1992). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.22-23.

<sup>10</sup> Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa năm 1959 - Trong sách: Hiến pháp Việt Nam... (Sdd), tr.39-40, 42, 61-64.

<sup>11</sup> Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 - Trong sách: Hiến pháp Việt Nam... (Sdd), tr. 94, 99-101, 126-131.

<sup>12</sup> Xem cụ thể hơn: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi năm 2001), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.37-39, 68-72.

ở nước ta vẫn chưa thể khắc phục được *thực trạng bức xúc đã và đang xâm phạm đến các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân khi một số Bộ, ngành ở Trung ương và chính quyền ở các địa phương tùy tiện ban hành các văn bản trái pháp luật (hoặc vi hiến)*. Bởi lẽ, hậu quả tiêu cực của việc triển khai thực hiện các văn bản này là - *không chỉ gây thiệt hại cho các quyền và tự do hiến định của công dân, mà còn xâm phạm thô bạo pháp chế, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân và làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước.*

d) Việc thực thi chế định KTrHP bằng Tòa án sẽ bảo đảm *tính tối thượng của luật* (mà trước hết là Hiến pháp) trong các lĩnh vực sinh hoạt của Nhà nước và hoạt động của hệ thống tư pháp sẽ được đảm bảo để *chống lại sự độc đoán, tùy tiện và xâm hại đến sự bình đẳng và công lý, dân chủ và các quyền, tự do của công dân từ phía một bộ phận các quan chức trong bộ máy công quyền* (thuộc các cơ quan BVPL và Tòa án). Vì chính cơ quan tài phán Hiến pháp sẽ được trao thẩm quyền tuyên bố vô hiệu đối với tất cả các văn bản luật và dưới luật *vi hiến do bất kỳ cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế, lực lượng vũ trang hay bất kể người có chức vụ nào* (kể cả chức vụ cao nhất) ban hành, cũng như những hành vi được thực hiện trên cơ sở các văn bản *vi hiến* đó.

e) Và như vậy, việc thực thi chế định KTrHP bằng Tòa án rõ ràng là một nhu cầu bức thiết và kỳ vọng chính đáng của nhân dân lao động và toàn xã hội, là chức năng và nhiệm vụ của bộ máy quyền lực nhà nước ta nói chung và hệ thống tư pháp của đất nước nói riêng để bảo đảm tốt hiệu lực các quy định của Hiến pháp với tính chất là *dạo luật cơ bản của Nhà nước có giá trị pháp lý cao nhất* nên nếu như chiến lược CCTP đến năm 2020 ở Việt Nam được Nhà nước thực sự quan tâm và được tiến hành *một cách tổng thể và toàn diện*, đồng thời muốn nâng cao được hiệu quả của hệ thống tư pháp thì nên chăng chúng ta cần phải triển khai việc thực thi *chế định KTrHP bằng Tòa án* trong đất nước.

### 3.2. Phương án tổ chức thực thi chế định KTrHP bằng nhánh quyền lực tư pháp

Trong giai đoạn xây dựng NNQP và CCTP ở Việt Nam hiện nay khi bàn về vấn đề bảo vệ Hiến pháp chúng ta có thể lựa chọn một trong *bốn* phương án là thành lập: 1) Ủy ban giám sát Hiến pháp (GSHP) của Quốc hội; 2) Hội đồng bảo hiến do Chủ tịch nước đứng đầu; 3) Tòa Hiến pháp với tư cách là Tòa chuyên trách thuộc Toà án nhân dân tối cao (TANDTC) hoặc; 4) Tòa án Hiến pháp (TAHP) độc lập (chỉ tổ chức ở cấp Trung ương). Vậy thì trong bốn Phương án này thì phương án nào là khả thi hơn cả (?). Đây chính là câu hỏi cần phải có được lập luận một cách khoa học để có câu trả lời xác đáng, có căn cứ và bảo đảm sức thuyết phục mà chính các nhà luật học của đất nước cần phải đưa ra cho Tổ quốc và nhân dân. Dưới đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét từng phương án:

3.2.1. Nếu như tổ chức thực thi chế định KTrHP theo một trong *ba* phương án đầu tiên (thứ 1, 2 và 3) thì sẽ *không bảo đảm tính khách quan* vì vô hình chung sẽ tạo nên cơ chế “vừa đá bóng, vừa thổi còi” - Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc TANDTC ngoài các chức năng-nhiệm vụ đang đảm nhiệm ra, sẽ tiếp tục thực hiện thêm các chức năng- nhiệm vụ của hoạt động KTrHP đối với các văn bản QPPL do các cơ quan thuộc hai nhánh quyền lực khác ban hành và đồng thời đối với chính các văn bản QPPL do mình ban hành. Đó là chưa bàn đến việc cả ba cấu trúc quyền lực này còn phải dành rất nhiều thời gian để hoàn thành cho thật tốt các chức năng-nhiệm vụ hiến định vô cùng nặng nề và vinh dự tương ứng với vị trí hiện tại của mình trước Tổ quốc và nhân dân nữa. Vậy thì họ có còn đủ thời gian để đảm đương thêm các chức năng- nhiệm vụ của hoạt động KTrHP *vô cùng phức tạp, đòi hỏi phải có trình độ nghề nghiệp cao, kiến thức chuyên môn giỏi* (được giới luật học của đất nước và bạn bè quốc tế thừa nhận chung) và đầy trọng trách trước Tổ quốc và nhân dân hay không (?). Chắc chắn 100 % là “không thể” còn đủ thời gian để đảm đương thêm được nữa (!).

3.2.2. Như vậy, rõ ràng là chỉ còn phương án cuối cùng (thứ 4) là khả thi hơn cả và chính lịch sử lập hiến, cũng như thực tiễn bảo hiến trên thế giới hàng trăm năm qua đã và đang chứng minh điều đó ở các NNPQ đích thực. Ngay hiện nay, chưa tính ở một loạt các nước châu Âu (như: Áo, Hungari, Cộng hòa liên bang Đức, Italia, Ba Lan, Rumana, Tursia, Cộng hòa Séc...), chỉ tính riêng trong số 15 nước CHLB thuộc Liên Xô cũ thì có đến 4/5 (12 nước) thành lập TAHP độc lập và chỉ ở cấp Trung ương.

### 3.3. Mô hình lý luận của các kiến giải lập pháp cụ thể trong Dự thảo Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam”

Nếu như Quốc hội thực hiện đúng Nghị quyết 49/NQ-TW và tư tưởng của Đại hội Đảng lần thứ X, cũng như đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân mà quyết định chọn Phương án thứ 4 nêu trên này, thì chúng ta cần phải ban hành Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam” (chỉ tổ chức ở một cấp Trung ương song song bên cạnh TANDTC) mà trong đó cần ghi nhận đầy đủ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của cơ quan tài phán chuyên trách hoạt động tố tụng tư pháp về Hiến pháp để bảo đảm cho việc thực hiện có hiệu quả hoạt động kiểm tra của nhánh quyền tư pháp đối với hai nhánh quyền lực khác (lập pháp và hành pháp) trong Nhà nước. Trên cơ sở tham khảo mô hình tổ chức TAHP của các nước châu Âu (như: Áo, Hungari, Cộng hòa liên bang Đức, Italia, Ba Lan, Rumana, Tursia, Cộng hòa Séc và một số bang của Thụy Sĩ)<sup>13</sup>, nghiên cứu so sánh một loạt các văn bản như: 12 Luật về TAHP của các nước thuộc Liên Xô cũ (trừ ba nước: Tuốc-mê-ni-a không có TAHP, Kazaxtan tổ chức Hội đồng bảo hiến thuộc nhánh quyền hành pháp, Extônia tổ chức Viện bảo hiến thuộc Quốc hội để thực hiện hoạt động giám sát

Hiến pháp); 4 Quy chế về TAHP (của LB Nga, Belarux, Gruzia, Ukraina); 2 Luật “Về thủ tục tố tụng Hiến pháp” (của Gruzia và Kurguxtan); Bộ luật Tố tụng Hiến pháp và Luật “Về các biện pháp bảo đảm vật chất cho sự độc lập của các Thẩm phán TAHP” của Môđavia; Luật “Về các bảo đảm xã hội cho các Thẩm phán TAHP” của Gruzia<sup>14</sup>, đồng thời xuất phát từ thực tiễn tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam, cũng như sự phát triển của các quan hệ xã hội trong giai đoạn xây dựng NNPQ và CCTP hiện nay và trong tương lai sau này, căn cứ vào các điều kiện cụ thể về chính trị-pháp lí, kinh tế-xã hội, lịch sử-văn hóa ở nước ta, theo quan điểm của chúng tôi sẽ là hợp lí nếu như các kiến giải lập pháp trong Dự thảo Luật “Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam” sẽ gồm có 05 Phần và được phân chia thành 15 Chương với tổng số 100 điều theo mô hình lý luận dưới đây.

3.3.1. Phần thứ nhất “Các quy định về tổ chức-hoạt động của TAHP” được phân chia thành bốn Chương với 24 điều là:

a) Chương I “Về vị trí, cơ sở pháp lý và nhiệm vụ của TAHP” gồm 03 điều (Điều 1. Vị trí của Tòa án Hiến pháp; Điều 2. Cơ sở pháp lý của việc tổ chức - hoạt động, của việc ghi nhận các thẩm quyền và các đặc điểm tố tụng của TAHP và; Điều 3. Nhiệm vụ của TAHP).

b) Chương II “Về các thẩm quyền và bảo đảm cho hoạt động của TAHP” gồm 02 điều (Điều 4. Các thẩm quyền của TAHP và; Điều 5. Các bảo đảm cho hoạt động của TAHP).

c) Chương III “Về địa vị pháp lý của Thẩm phán TAHP” gồm 12 điều (Điều 6. Các tiêu chuẩn của Thẩm phán TAHP; Điều 7. Quy trình bổ nhiệm Thẩm phán TAHP; Điều 8. Những hạn chế đối với Thẩm phán TAHP; Điều 9. Các bảo đảm cho sự độc lập của Thẩm phán TAHP; Điều 10. Sự bất khả xâm phạm đối với Thẩm phán TAHP; Điều 11. Sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các Thẩm

<sup>13</sup> Xem cụ thể hơn: Hệ thống Tòa án của các nước châu Âu. Sách tra cứu (Bản dịch từ tiếng Pháp của Đ.I.Vaxiliev và từ tiếng Anh của O.Ju.Kobiakov). Nxb. Quan hệ quốc tế. Moxcova, 2002, các tr. 21, 68-69, 73-74, 141, 158-160, 179, 211-212, 233, 256-259, 309-310. (tiếng Nga).

<sup>14</sup> Tư pháp về Hiến pháp ở các nước SNG và Ban tích. Tập các văn bản quy phạm (Chủ biên M.A.Mitriukov). Nxb. Zertxaló. Moxcova, 1998, tr.800 (tiếng Nga).



phán TAHP; Điều 12. Tuyên thệ của Thẩm phán TAHP; Điều 13. Nhiệm kỳ giữ chức vụ Thẩm phán TAHP; Điều 14. Tạm đình chỉ chức vụ Thẩm phán TAHP; Điều 15. Giữ chức vụ Thẩm phán TAHP; Điều 16. Thôi giữ chức vụ Thẩm phán TAHP và Điều 17. Nghỉ hưu của Thẩm phán TAHP).

d) Chương IV “*Về cơ cấu tổ chức và hoạt động của TAHP*” gồm có 07 điều (Điều 18. Các Tòa chuyên trách của TAHP; Điều 19. Bộ máy giúp việc của TAHP; Điều 20. Những vấn đề được xem xét và giải quyết tại các phiên họp toàn thể của TAHP; Điều 21. Những vấn đề được xem xét và giải quyết tại các phiên họp của Tòa chuyên trách; Điều 22. Chức năng, quyền hạn của Chánh án, Phó chánh án và Thẩm phán-Thư kí TAHP; Điều 23. Những nguyên tắc cơ bản trong tổ chức-hoạt động của TAHP và; Điều 24. Trình tự thông qua nội dung cơ bản của Quy chế về TAHP).

3.3.2. Phần thứ hai “*Các quy định chung về thủ tục tố tụng ở TAHP*” được phân chia thành năm Chương với 50 điều là:

a) Chương V “*Những nguyên tắc cơ bản của tố tụng về Hiến pháp*” gồm có 09 điều (Điều 25. Nguyên tắc pháp chế của tố tụng về Hiến pháp; Điều 26. Nguyên tắc độc lập của tố tụng về Hiến pháp; Điều 27. Nguyên tắc tập thể của tố tụng về Hiến pháp; Điều 28. Nguyên tắc công khai của tố tụng về Hiến pháp; Điều 29. Nguyên tắc xét xử liên tục của tố tụng về Hiến pháp; Điều 30. Nguyên tắc xét xử bằng miệng của tố tụng về Hiến pháp; Điều 31. Nguyên tắc tranh tụng của tố tụng về Hiến pháp; Điều 32. Nguyên tắc bình đẳng của các bên trong tố tụng về Hiến pháp và; Điều 33. Nguyên tắc bảo đảm quyền sử dụng ngôn ngữ của những người tham gia trong tố tụng về Hiến pháp).

b) Chương VI “*Quy trình tiếp nhận và phân loại đơn thư gửi đến TAHP*” gồm có 03 điều (Điều 34. Lí do và căn cứ để xem xét vụ việc ở TAHP; Điều 35. Những yêu cầu chung đối với đơn thư gửi đến TAHP và; Điều 36. Phân loại của Ban thư kí các đơn thư gửi đến TAHP).

c) Chương VII “*Xem xét sơ bộ đơn thư gửi đến TAHP*” gồm có 04 điều (Điều 37. Nghiên cứu sơ bộ đơn thư của Thẩm phán TAHP; Điều 38. Tiếp nhận đơn thư để xem xét; Điều 39. Từ chối tiếp nhận đơn thư để xem xét và; Điều 40. Rút lại đơn thư).

d) Chương VIII “*Thủ tục tố tụng chung của việc xem xét các vụ việc ở TAHP*” gồm có 22 điều (Điều 41. Triệu tập phiên họp toàn thể của TAHP và phiên họp của Tòa chuyên trách; Điều 42. Trình tự xem xét các vấn đề tại phiên họp toàn thể của TAHP và phiên họp của Tòa chuyên trách; Điều 43. Quyết định đưa vụ việc ra xem xét; Điều 44. Hợp nhất vụ việc; Điều 45. Chuẩn bị xem xét vụ việc; Điều 46. Gửi các tài liệu và thông báo về lịch của các phiên họp; Điều 47. Những người tham gia tố tụng về Hiến pháp; Điều 48. Các bên tham gia tố tụng về Hiến pháp và người đại diện của họ; Điều 49. Những trường hợp Thẩm phán TAHP không được tham gia xem xét vụ việc; Điều 50. Khai mạc phiên tòa; Điều 51. Ghi biên bản; Điều 52. Trật tự phiên tòa; Điều 53. Trình tự nghiên cứu các vấn đề và các tài liệu tại phiên tòa; Điều 54. Trình bày của các bên; Điều 55. Lời khai của nhân chứng; Điều 56. Kết luận của giám định viên; Điều 57. Phát biểu kết luận của các bên; Điều 58. Hoãn phiên tòa; Điều 59. Trở lại xem xét vấn đề; Điều 60. Những trường hợp đình chỉ tố tụng vụ việc về Hiến pháp; Điều 61. Kết thúc xem xét vụ việc tại phiên tòa; Điều 62. Nghị án để thông qua phán quyết đối với vụ việc).

d) Chương IX “*Các phán quyết của TAHP*” gồm có 12 điều (Điều 63. Các loại phán quyết của TAHP; Điều 64. Trình tự thông qua phán quyết của TAHP; Điều 65. Những yêu cầu đối với các phán quyết của TAHP; Điều 66. Những thông tin cần phải có ghi trong phán quyết của TAHP; Điều 67. Bảo lưu ý kiến riêng của Thẩm phán TAHP; Điều 68. Hiệu lực pháp lý của phán quyết do TAHP Việt Nam tuyên; Điều 69. Tuyên phán quyết của TAHP; Điều 70. Sửa chữa những điểm chưa chính xác trong phán quyết của TAHP; Điều 71. Công bố phán

quyết của TAHP; Điều 72. Giải thích phán quyết của TAHP; Điều 73. Thời hạn thi hành phán quyết của TAHP; Điều 74. Hậu quả của việc không thi hành, thi hành không đúng hoặc cản trở việc thi hành phán quyết của TAHP).

3.3.3. Phần thứ ba “*Các quy định về các đặc điểm tố tụng đối với từng loại vụ việc thuộc thẩm quyền của TAHP*” được phân chia thành 01 điều riêng không thuộc Chương nào (Điều 75. Phân loại những vụ việc thuộc thẩm quyền tố tụng của TAHP) và 05 Chương với 20 điều là:

a) Chương X “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của các văn bản QPPL*” gồm 04 điều (Điều 76. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức chất vấn; Điều 77. Điều kiện để chất vấn được TAHP chấp nhận; Điều 78. Phạm vi kiểm tra tính hợp hiến của văn bản QPPL bị chất vấn và; Điều 79. Phán quyết đối với vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của văn bản QPPL bị chất vấn).

b) Chương XI “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của các quy định bị khiếu nại là xâm phạm đến các quyền tự do hiến định của công dân*” gồm 04 điều (Điều 80. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức khiếu nại; Điều 81. Điều kiện để khiếu nại được TAHP chấp nhận; Điều 82. Phạm vi kiểm tra tính hợp hiến của quy định bị khiếu nại và; Điều 83. Phán quyết đối với vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của quy định bị khiếu nại).

c) Chương XII “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc giải quyết tranh chấp về phân định thẩm quyền*” gồm 04 điều (Điều 84. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức đề nghị; Điều 85. Điều kiện để đề nghị được TAHP chấp nhận; Điều 86. Phạm vi kiểm tra tính hợp hiến của tranh chấp được đề nghị giải quyết và; Điều 87. Phán quyết đối với vụ việc về kiểm tra tính hợp hiến của tranh chấp được đề nghị giải quyết).

d) Chương XIII “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về giải thích Hiến pháp, cũng như các văn bản pháp luật quốc*

*tế khi có mâu thuẫn với các văn bản pháp luật quốc gia*” gồm 04 điều (Điều 88. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức chất vấn; Điều 89. Điều kiện để chất vấn được TAHP chấp nhận; Điều 90. Phạm vi giải thích nội dung được chất vấn và; Điều 91. Phán quyết đối với vụ việc về giải thích nội dung được chất vấn).

d) Chương XIV “*Các đặc điểm tố tụng đối với những vụ việc về sự tuân thủ trình tự do luật định trong việc khởi tố vụ án hình sự, đưa ra cáo trạng hoặc bản án đối với những người có chức vụ cao nhất trong Ban lãnh đạo của đất nước*” gồm 04 điều (Điều 92. Quyền gửi đơn thư đến TAHP dưới hình thức chất vấn; Điều 93. Điều kiện để chất vấn được TAHP chấp nhận; Điều 94. Trình tự gửi chất vấn đến TAHP và; Điều 95. Phán quyết của TAHP).

3.3.4. Phần thứ tư và đồng thời là Chương XV “*Các quy định về ấn bản, con dấu, biểu tượng quyền tư pháp và trụ sở của TAHP*” gồm 04 điều (Điều 96. Ấn bản chính thức của TAHP; Điều 97. Con dấu của TAHP; Điều 98. Biểu tượng quyền tư pháp của TAHP và; Điều 99. Trụ sở làm việc của TAHP).

3.3.5. Và cuối cùng, Phần thứ năm “*Quy định về hiệu lực thi hành Luật*” không phân chia thành Chương mà chỉ gồm 01 điều (Điều 100. Hiệu lực thi hành của Luật này).

### III. KẾT LUẬN VẤN ĐỀ

Tóm lại, việc nghiên cứu *những vấn đề lí luận về KTrHP trong NNPQ và Mô hình lí luận của các kiến giải lập pháp cụ thể cho việc tổ chức thực thi chế định này ở Việt Nam* chúng ta có thể đi đến một số kết luận chung dưới đây:

1. Một là, về mặt lập pháp, để tạo cơ sở pháp lí cho việc thực thi chế định KTrHP thì với tư cách là đạo luật cơ bản của Nhà nước có hiệu lực pháp lý cao nhất, Hiến pháp Việt Nam năm 1992 cần phải được sửa đổi - bổ sung, đồng thời Quốc hội cần ban hành Luật “*Về Tòa án Hiến pháp Việt Nam*”.

(Xem tiếp trang 72)

Cũng liên quan đến vấn đề trên, nhận thức chung cho rằng, khác với việc bảo đảm các quyền dân sự, chính trị là mang tính tức thời (*immediate*), do không phụ thuộc nhiều vào các nguồn lực vật chất bảo đảm, việc bảo đảm các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa thì có thể dần dần, từng bước (*progressive*) tương ứng với nguồn lực hiện có của quốc gia. Tuy nhiên, việc đánh giá thế nào là thực hiện *dần dần, từng bước* không phải là đơn giản. Về vấn đề này, một số tài liệu đề cập đến các khái niệm *nghĩa vụ tổ chức* (*obligation of conduct*) và *nghĩa vụ đạt được kết quả* (*obligation of result*)<sup>13</sup>. Nghĩa vụ tổ chức được hiểu là việc các quốc gia phải thực hiện trên thực tế các biện pháp cụ thể để thực thi các quy định của Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, ví dụ như để cấm lao động cưỡng bức, đưa ra các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân hay bảo đảm giáo dục tiểu học miễn phí cho mọi trẻ em... Nghĩa vụ đạt được kết quả đề cập tới yêu cầu với các quốc gia phải bảo đảm rằng những biện pháp và hoạt động đề ra phải thu

được những thành tựu chứ không phải chúng được xây dựng mang tính hình thức.

### **Chủ thể có nghĩa vụ**

Về vấn đề này, rất nhiều người cho rằng chỉ có Nhà nước mới là chủ thể của nghĩa vụ về quyền con người.

Tuy nhiên, nhận thức chung của cộng đồng quốc tế cho rằng, Nhà nước là chủ thể chính có nghĩa vụ bảo đảm các quyền con người (*duty-bearer*), nhưng không phải là *chủ thể duy nhất có nghĩa vụ trong lĩnh vực này*. Bên cạnh các Nhà nước, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, các nhóm, gia đình, cộng đồng, và kể cả các cá nhân cũng là những *duty-bearer* về quyền con người. Chỉ đơn cử, với các cá nhân, Điều 29 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (đã nêu ở trên) cho thấy rõ bên cạnh các quyền, các cá nhân có nghĩa vụ tôn trọng các quyền và tự do của người khác. Với các bậc cha mẹ, có thể nhắc đến Công ước về quyền trẻ em, theo đó cha mẹ là chủ thể có nghĩa vụ chính và đầu tiên trong việc bảo đảm các quyền của trẻ em.

<sup>13</sup> Hai khái niệm này lần đầu tiên được nêu ra bởi Ủy ban về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, sau đó được cụ thể hóa bởi Ủy ban Pháp luật quốc tế (International Law Commission).

### **(Tiếp theo trang 24 – Kiểm tra Hiến pháp trong ...)**

2. Hai là, về mặt thực tiễn, thì việc thành lập TAHP ở Việt Nam hiện nay không chỉ xuất phát từ thực tiễn hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam, mà còn là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta về việc thực thi chế định *KTrHP bằng nhánh quyền tư pháp* với mục đích làm cho đạo luật cơ bản của Nhà nước được bảo vệ một cách hữu hiệu, loại trừ tình trạng ban hành các văn bản QPPL vi hiến, những hành vi (và bất tác vi) được thực hiện trên cơ sở các văn bản đó, cũng như sự xâm phạm thô bạo các quyền và tự do hiến định của con người và của công dân từ phía

quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng thành công NNPQ và triển khai thắng lợi công cuộc CCTP ở nước ta.

3. Và cuối cùng, về mặt lí luận, việc tiếp tục nghiên cứu chuyên khảo, có hệ thống và toàn diện để làm sáng tỏ về mặt lí luận những vấn đề về *KTrHP* và đưa ra mô hình lí luận của các kiến giải lập pháp cụ thể cho việc tổ chức thực thi chế định này ở nước ta không chỉ là một trong những nhiệm vụ cơ bản, mà còn là một hướng nghiên cứu quan trọng của KHPL Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNPQ và CCTP hiện nay.